

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

**Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt** hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

#### **3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt<sup>8</sup>:**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

---

<sup>8</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

*Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:*

##### **4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>9</sup>:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

*- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:*

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

*- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:*

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

---

<sup>9</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.

**ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT****Gói thầu: Gói thầu số 02: mua sắm phần cứng****Dự án/dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị phần cứng phục vụ Bệnh án điện tử của Bệnh viện đa khoa Cái Nước****Nhà thầu:**

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia <sup>(9)</sup>		Nhận xét của chuyên gia (nếu có)
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
1	Bảo đảm dự thầu <sup>(1)</sup>					
2	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh) <sup>(2)</sup>					
3	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật đấu thầu					
3.1	Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:					
3.1.1	Hạch toán tài chính độc lập <sup>(3)</sup>					
3.1.2	Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản <sup>(3)</sup>					
3.1.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu <sup>(3)</sup>					
3.1.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu <sup>(3)</sup>					
3.1.5	Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự <sup>(3)</sup>					
3.1.6	Đáp ứng điều kiện về cấp doanh nghiệp <sup>(4)</sup>					
3.1.7	Nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03					

	tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực <sup>(5)</sup>					
4	Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống <sup>(6)</sup>					
5	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu <sup>(3)</sup>					
6	Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có) đối với phần công việc tư vấn của gói thầu EPC, EP, EC <sup>(7)</sup> .					
	<b>Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì mục 3 được quy định như sau:</b>					
3	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật đấu thầu					
3.1	Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:					
3.1.1	Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật <sup>(3)</sup>					
3.1.2	Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự <sup>(3)</sup>					
3.1.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu <sup>(3)</sup>					
3.1.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu <sup>(3)</sup>					
3.1.5	Nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực <sup>(5)</sup>					
	<b>Đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân thì mục 3 và mục 5 được quy định như sau:</b>					
3	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật đấu thầu					
3.1	Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ <sup>(3)</sup>					
3.2	Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự <sup>(3)</sup>					
3.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu <sup>(3)</sup>					

3.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu <sup>(3)</sup>				
3.5	Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định <sup>(8)</sup>				
4	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, các thành viên trong nhóm cá nhân không bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho cá nhân (hoặc nhóm cá nhân trong đó có nhân sự vi phạm) trúng thầu <sup>(3)</sup>				
<b>KẾT LUẬN</b>					

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tổ chuyên gia đánh giá, trừ trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng. Đối với gói thầu đấu thầu trước và E-HSMT quy định không áp dụng bảo đảm dự thầu, không đánh giá nội dung bảo đảm dự thầu.

(2) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản thỏa thuận liên danh (webform trên Hệ thống)

(3) Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSMT.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại phiếu chấm của tổ chuyên gia. Trường hợp Hệ thống đánh giá "không đạt" thì nhà thầu bị loại. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá "không đạt", tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt"

(4) Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu  $\leq 5$  tỷ đồng. Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu. Trường hợp gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu, nếu không có doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ đáp ứng yêu cầu thì khi tổ chức đấu thầu lại, nhà thầu không phải đáp ứng yêu cầu này.

(5) Chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có giá gói thầu dưới 500 triệu đồng và chủ đầu tư quyết định chỉ cho phép nhà thầu sau được tham dự thầu: có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực. Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở tài liệu chứng minh của nhà thầu. Trường hợp chủ đầu tư quyết định áp dụng mà không có nhà thầu tham dự hoặc không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì tổ chức đấu thầu lại, nhà thầu không phải đáp ứng yêu cầu này.

(6) Hệ thống tự động đánh giá.

(7) Chỉ áp dụng đối với gói thầu EPC, EC, EP. Tổ chuyên gia đánh giá.

(8) Tổ chuyên gia đánh giá theo chứng chỉ chuyên môn đính kèm của cá nhân.

(9) E-HSMT có nội dung sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản dẫn đến E-HSMT bị loại thì không phải tiếp tục đánh giá các tiêu chí khác. Trường hợp nhà thầu không đáp ứng một tiêu chí đánh giá cụ thể thì không phải đánh giá tiếp đối với các tiêu chí còn lại.

## ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Gói thầu số 02: mua sắm phần cứng

Dự án/dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị phần cứng phục vụ Bệnh án điện tử của Bệnh viện đa khoa Cái Nước

Nhà thầu:

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm trong E-HSMT <sup>(1)</sup>			Thông tin trong E-HSMT <sup>(2)</sup>	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống <sup>(3)</sup>		Kết quả đánh giá của chuyên gia <sup>(4)</sup>		Nhận xét của chuyên gia (nếu có)
TT	Mô tả	Yêu cầu		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(2)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(3)</sup> .						
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế <sup>(4)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.						
3								
3.1	Kết quả hoạt động tài chính <sup>(5)</sup>	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)						
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 <sup>(6)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là <b>Giá trị phần dự thầu*1.5</b> <sup>(7)</sup> VND.  Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định tương ứng với giá dự thầu theo hệ số “k” ____.						

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm trong E-HSMT <sup>(1)</sup>			Thông tin trong E-HSDT <sup>(2)</sup>	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống <sup>(3)</sup>		Kết quả đánh giá của chuyên gia <sup>(4)</sup>		Nhận xét của chuyên gia (nếu có)
TT	Mô tả	Yêu cầu		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
				4	<p><b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự</b></p>	<p><i>Căn cứ vào tính chất, điều kiện cụ thể của gói thầu, chủ đầu tư yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự hoặc không yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự.</i></p> <p><i>- Trường hợp không yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự thì chọn “Không áp dụng”.</i></p> <p><i>- Trường hợp có yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự thì chọn “Áp dụng” và quy định như sau:</i></p> <p>Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ<sup>(8)</sup> trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022<sup>(9)</sup> đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>Trong đó hợp đồng tương tự là:</p> <p><i>- Có tính chất tương tự: Có tính chất tương tự quy định tại Bảng X và ghi chú số<sup>(10)</sup>;</i></p> <p><i>- Có quy mô (giá trị) tối thiểu quy định tại bảng X</i></p> <p>Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự được thực hiện theo Bảng Y.</p>		
5	<p><b>Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung</b></p>	<p>Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:</p>						

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm trong E-HSMT <sup>(1)</sup>			Thông tin trong E-HSDT <sup>(2)</sup>	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống <sup>(3)</sup>		Kết quả đánh giá của chuyên gia <sup>(4)</sup>		Nhận xét của chuyên gia (nếu có)
TT	Mô tả	Yêu cầu		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
	<b>cấp các dịch vụ sau bán hàng khác<sup>(12)</sup></b>	<p>- Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>- Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.</p>						

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1), (2): Hệ thống tự động trích xuất thông tin trong E-HSMT và E-HSDT.

(3): Việc đánh giá thực hiện như sau:

- Lịch sử không hoàn thành hợp đồng: Hệ thống đánh giá căn cứ thông tin nhà thầu kê khai trên webform

- Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế: Hệ thống đánh giá căn cứ cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu

- Kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm: Đối với số liệu từ 2021 trở đi, Hệ thống đánh giá căn cứ thông tin được trích xuất hoặc thông tin do nhà thầu cập nhật; đối với số liệu trước năm 2021, hệ thống đánh giá căn cứ thông tin do nhà thầu kê khai. Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế.

+ Đối với tiêu chí kết quả hoạt động tài chính: Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

+ Đối với tiêu chí về doanh thu bình quân hằng năm: Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.

Đối với nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với E-HSMT không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về công nghệ, pháp luật về đầu tư để chứng minh.

Đối với nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam, không phải đáp ứng yêu cầu về doanh thu khi nhà thầu chào thầu hàng hóa mà chủng loại hàng hóa này lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong thời gian 05 năm trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu được hưởng ưu đãi này kể từ khi nhà thầu được thành lập nhưng không quá 07 năm tính đến thời điểm đóng thầu.

Trường hợp nhà thầu liên danh tham gia gói thầu EPC, EP, PC và trong phần cung cấp hàng hóa có các sản phẩm được ưu đãi nêu trên (sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, sản phẩm được sản xuất từ chuyển giao công nghệ, hàng hóa có xuất xứ Việt Nam) thì chỉ thành viên liên danh sản xuất đồng thời cung cấp các sản phẩm này được hưởng ưu đãi khi tính doanh thu bình quân hàng năm.

(4) Tổ chuyên gia đánh giá đối với các nội dung sau:

- Đánh giá các nội dung ngoài các nội dung mà Hệ thống đánh giá tự động:

+ Nguồn lực tài chính (đối với gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC). Trường hợp nhà thầu cung cấp cam kết cung cấp tín dụng theo quy định của E-HSMT, tổ chuyên gia căn cứ vào tài liệu đính kèm để đánh giá. Cam kết cung cấp tín dụng bổ sung sau thời điểm đóng thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.

+ Hợp đồng tương tự; năng lực sản xuất; nhân sự chủ chốt; thiết bị thi công chủ yếu; khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác.

- Các nội dung Hệ thống đánh giá là "đạt" mà tổ chuyên gia xét thấy phải đánh giá lại. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại phiếu chấm của tổ chuyên gia. Trường hợp Hệ thống đánh giá "không đạt" thì nhà thầu bị loại. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá "không đạt", tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt".

- Tổ chuyên gia ghi rõ ý kiến nhận xét đối với các nội dung tổ chuyên gia đánh giá là không đạt.

- E-HSDT có nội dung sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản dẫn đến E-HSDT bị loại thì không phải tiếp tục đánh giá các tiêu chí khác. Trường hợp nhà thầu không đáp ứng một tiêu chí đánh giá cụ thể thì không phải đánh giá tiếp đối với các tiêu chí còn lại.

**ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**  
(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)

**Gói thầu số 02: mua sắm phần cứng**

**Dự án/dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị phần cứng phục vụ Bệnh án điện tử của Bệnh viện đa khoa Cái Nước**

**Nhà thầu:** \_\_\_\_\_

Stt	Nội dung đánh giá <sup>(1)</sup>		Kết quả đánh giá của chuyên gia <sup>(2)</sup>			Nhận xét của chuyên gia
			Đạt	Chấp nhận được	Không đạt	
01	Switch 16 Port quang	Phần cứng và Hiệu năng: + Cổng mạng: 16 cổng 10GE SFP+ + Cổng Console: 1 × RJ45 Console Port, 1 × Micro-USB Console Port + Bộ nhớ: Flash 32 MB, DRAM 256 MB + Chuẩn cổng hỗ trợ: IEEE 802.3z: 1000BASE-X Gigabit Ethernet (quang); IEEE 802.3ae: 10 Gigabit Ethernet (quang) - Hiệu năng + Switching Capacity: 320 Gbps + Packet Forwarding Rate: 238.08 Mpps + Bảng địa chỉ MAC: 32K + Packet Buffer: 24 Mbit + Phương thức truyền tải: Store and Forward + Số IP Interface: 16 + Số Static Route: 48 (IPv4/IPv6) + Jumbo Frame: 9 KB - Nguồn & Tiêu thụ điện + Nguồn: 100–240V AC, 50/60 Hz + Dự phòng nguồn kép: 2 nguồn AC cố định - Hỗ trợ SDN: + Quản lý tập trung qua Omada Hardware Controller (OC200/OC300) hoặc Software Controller. + Hỗ trợ: Automatic Device Discovery (tự động phát hiện thiết bị); Batch Configuration				

	<p>(cấu hình hàng loạt); Batch Firmware Upgrading (nâng cấp firmware hàng loạt); Intelligent Network Monitoring (giám sát thông minh); Abnormal Event Warnings (cảnh báo sự kiện bất thường); Unified Configuration (cấu hình hợp nhất); Reboot Schedule (lịch khởi động lại)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- L3 Features: 16 IPv4/IPv6 Interfaces; Static Routing: 48 static routes; Static ARP: 128 static entries; 512 ARP Entries; Proxy ARP, Gratuitous ARP; DHCP Server; DHCP Relay (interface relay, VLAN relay, L2 relay)</li> <li>- L2 Features: Link Aggregation: Static link aggregation; IEEE 802.3ad LACP; Tối đa 8 nhóm, 8 cổng mỗi nhóm; Spanning Tree Protocol (STP): 802.1d STP, 802.1w RSTP, 802.1s MSTP; STP Security: TC Protect, BPDU Filter, BPDU Protect, Root Protect, Loop Protect; Khác: Loopback Detection (port-based, VLAN-based); Flow Control (802.3x, HOL Blocking Prevention); Mirroring (Port, CPU, One-to-One, Many-to-One, Tx/Rx/Both)</li> <li>- L2 Multicast: 1000 IGMP groups (IPv4, IPv6); IGMP Snooping (v1/v2/v3), Fast Leave, Snooping Querier; IGMP Authentication: MVR (Multicast VLAN Registration); MLD Snooping (v1/v2) với Fast Leave, Querier, Static Group Config; Multicast Filtering: 256 profiles × 16 entries</li> <li>- VLAN: Tối đa 4K VLAN Groups; 802.1Q Tagged VLAN; MAC VLAN: 30 entries; Protocol VLAN: 16 Template, 16 VLAN; Private VLAN, GVRP; VLAN VPN (Mapping, Replace); Voice VLAN</li> <li>- QoS: 8 hàng đợi ưu tiên; 802.1p CoS/DSCP priority; Queue scheduling: SP, WRR, SP+WRR; Bandwidth Control: Port/Flow-based rate limiting; QoS remark (802.1P Remark, DSCP Remark)</li> <li>- ACL (Access Control List): MAC ACL: Source/Destination MAC, VLAN ID, EtherType; IP ACL: Source/Destination IP, TCP Flag, Fragment, Protocol, TCP/UDP Port, DSCP/TOS; IPv6 ACL; Chính sách ACL: Mirroring, Redirect, Rate Limit, QoS Remark; Áp dụng ACL cho Port/VLAN; Time-based ACL</li> <li>- Bảo mật (Security): IP-MAC-Port Binding (512 entries); DHCP Snooping, ARP Inspection, IPv4 Source Guard; IPv6-MAC-Port Binding, ND Detection, IPv6 Source Guard; DoS Defend, DHCP Filter; Port Security (64 MAC per port); Storm Control (Broadcast/Multicast/Unknown-unicast); 802.1X (Port-based, MAC-based, VLAN Assignment, MAB, Guest VLAN, RADIUS); AAA (TACACS+); Port Isolation; Quản lý an toàn: HTTPS (SSLv3/TLS1.2), SSHv1/v2; IP/Port/MAC-based Access Control</li> <li>- ISP Features: 802.3ah Ethernet Link OAM; L2PT (Layer 2 Protocol Tunneling); PPPoE ID Insertion; DLDP (Device Link Detect Protocol); sFlow; DDM (Digital Diagnostic Monitoring)</li> </ul>				
--	---	--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý (Management): Web-based GUI; CLI (qua Console/Telnet); SNMP v1/v2c/v3 (Trap/Inform); RMON (1,2,3,9); DHCP/BOOTP Client; LLDP/LLDP-MED; DHCP Auto Install; Dual Image &amp; Configuration; CPU Monitoring, Cable Diagnostics, EEE (Energy Efficient Ethernet); Password Recovery, SNTP, System Log</li> <li>- IPv6 Support: Dual IPv4/IPv6 Stack; MLD Snooping; IPv6 ACL, IPv6 Interface; Static IPv6 Routing; IPv6 ND (Neighbor Discovery), PMTU Discovery; ICMPv6, TCPv6/UDPv6; Ứng dụng IPv6: DHCPv6 Client, Ping6, Tracert6, Telnet(v6), IPv6 SNMP/SSH/SSL/HTTPs/TFTP</li> </ul>				
02	Switch 24 cổng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cứng (Hardware Features &amp; Performance) <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cổng giao diện: 24 × 10/100/1000 Mbps RJ45 Ports 4 × 10GE SFP+ Slots</li> <li>+ Console: 1 × RJ45 Console Port, 1 × Micro-USB Console Port</li> <li>+ Bộ nhớ: Flash 32 MB, DRAM 256 MB</li> <li>+ Chuẩn cổng hỗ trợ: IEEE 802.3i: 10BASE-T Ethernet; IEEE 802.3u: 100BASE-X Fast Ethernet; IEEE 802.3ab: 1000BASE-T Gigabit Ethernet; IEEE 802.3z: 1000BASE-X Gigabit Ethernet (quang); IEEE 802.3ae: 10 Gigabit Ethernet (quang)</li> </ul> </li> <li>- Hiệu năng (Performance) <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Switching Capacity: 128 Gbps</li> <li>+ Packet Forwarding Rate: 95.23 Mpps</li> <li>+ Bảng địa chỉ MAC: 16K</li> <li>+ Packet Buffer: 12 Mbit</li> <li>+ Transmission Method: Store and Forward</li> <li>+ Số IP Interface: 16</li> <li>+ Số Static Routes: 48 (IPv4/IPv6)</li> <li>+ Jumbo Frame: 9 KB</li> </ul> </li> <li>- Nguồn &amp; Môi trường (Physical &amp; Environment) <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nguồn cấp: 100–240 V AC ~ 50/60 Hz</li> <li>+ Công suất tiêu thụ tối đa: 23.6 W (110V/60Hz)</li> </ul> </li> <li>- Hỗ trợ SDN: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quản lý tập trung qua Omada Hardware Controller (OC200/OC300) hoặc Software Controller.</li> <li>+ Hỗ trợ: Automatic Device Discovery (tự động phát hiện thiết bị); Batch Configuration (cấu hình hàng loạt); Batch Firmware Upgrading (nâng cấp firmware hàng loạt); Intelligent Network Monitoring (giám sát thông minh); Abnormal Event Warnings (cảnh báo sự kiện bất thường); Unified Configuration (cấu hình hợp nhất); Reboot Schedule (lịch khởi động lại)</li> </ul> </li> <li>- L3 Features: 16 IPv4/IPv6 Interfaces; Static Routing: 48 static routes; Static ARP:</li> </ul>				

	<p>128 static entries; 512 ARP Entries; Proxy ARP, Gratuitous ARP; DHCP Server; DHCP Relay (interface relay, VLAN relay, L2 relay)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- L2 Features: Link Aggregation: Static link aggregation; IEEE 802.3ad LACP; Tối đa 8 nhóm, 8 cổng mỗi nhóm; Spanning Tree Protocol (STP): 802.1d STP, 802.1w RSTP, 802.1s MSTP; STP Security: TC Protect, BPDU Filter, BPDU Protect, Root Protect, Loop Protect; Khác: Loopback Detection (port-based, VLAN-based); Flow Control (802.3x, HOL Blocking Prevention); Mirroring (Port, CPU, One-to-One, Many-to-One, Tx/Rx/Both)</li> <li>- L2 Multicast: 1000 IGMP groups (IPv4, IPv6); IGMP Snooping (v1/v2/v3), Fast Leave, Snooping Querier: IGMP Authentication: MVR (Multicast VLAN Registration): MLD Snooping (v1/v2) với Fast Leave, Querier, Static Group Config: Multicast Filtering: 256 profiles × 16 entries</li> <li>- VLAN: Tối đa 4K VLAN Groups; 802.1Q Tagged VLAN; MAC VLAN: 30 entries; Protocol VLAN: 16 Template, 16 VLAN; Private VLAN, GVRP; VLAN VPN (Mapping, Replace); Voice VLAN</li> <li>- QoS: 8 hàng đợi ưu tiên; 802.1p CoS/DSCP priority; Queue scheduling: SP, WRR, SP+WRR; Bandwidth Control: Port/Flow-based rate limiting; QoS remark (802.1P Remark, DSCP Remark)</li> <li>- ACL (Access Control List): MAC ACL: Source/Destination MAC, VLAN ID, EtherType; IP ACL: Source/Destination IP, TCP Flag, Fragment, Protocol, TCP/UDP Port, DSCP/TOS; IPv6 ACL; Chính sách ACL: Mirroring, Redirect, Rate Limit, QoS Remark; Áp dụng ACL cho Port/VLAN; Time-based ACL</li> <li>- Bảo mật (Security): IP-MAC-Port Binding (512 entries); DHCP Snooping, ARP Inspection, IPv4 Source Guard; IPv6-MAC-Port Binding, ND Detection, IPv6 Source Guard; DoS Defend, DHCP Filter; Port Security (64 MAC per port); Storm Control (Broadcast/Multicast/Unknown-unicast); 802.1X (Port-based, MAC-based, VLAN Assignment, MAB, Guest VLAN, RADIUS); AAA (TACACS+); Port Isolation; Quản lý an toàn: HTTPS (SSLv3/TLS1.2), SSHv1/v2; IP/Port/MAC-based Access Control</li> <li>- ISP Features: 802.3ah Ethernet Link OAM; L2PT (Layer 2 Protocol Tunneling); PPPoE ID Insertion; DLDP (Device Link Detect Protocol); sFlow; DDM (Digital Diagnostic Monitoring)</li> <li>- Quản lý (Management): Web-based GUI; CLI (qua Console/Telnet); SNMP v1/v2c/v3 (Trap/Inform); RMON (1,2,3,9); DHCP/BOOTP Client; LLDP/LLDP-MED; DHCP Auto Install; Dual Image &amp; Configuration; CPU Monitoring, Cable Diagnostics, EEE (Energy Efficient Ethernet); Password Recovery, SNTP, System Log</li> <li>- IPv6 Support: Dual IPv4/IPv6 Stack; MLD Snooping; IPv6 ACL, IPv6 Interface;</li> </ul>				
--	---	--	--	--	--

		Static IPv6 Routing; IPv6 ND (Neighbor Discovery), PMTU Discovery; ICMPv6, TCPv6/UDPv6; Ứng dụng IPv6: DHCPv6 Client, Ping6, Tracert6, Telnet(v6), IPv6 SNMP/SSH/SSL/HTTPS/TFTP				
03	Module Quang	Mô đun quang 10Gbps Tương thích với SFP+ MSA, IEEE 802.3ae, SFF-8472, TCP/IP Hỗ trợ cáp quang đơn một Loại cổng: LC Duplex Tốc độ truyền tải lên đến 10.3125 Gbps và khoảng cách truyền dẫn 10 km Hỗ trợ giám sát chân đoán kỹ thuật số (DDM) Hỗ trợ thay thế nóng				
04	Thiết bị Wifi Access Point	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao diện cổng Ethernet: 1 cổng RJ45 tốc độ 1Gbps</li> <li>- Tốc độ mạng không dây tối đa: 574 Mbps (2.4 GHz), 2402 Mbps (5 GHz)</li> <li>- Tiêu chuẩn không dây: IEEE 802.11 a/b/g/n/ac/ax</li> <li>- Ăng ten: 2 x 5dBi (2.4Ghz), 3 x 5dBi (5Ghz)</li> <li>- Khả năng người dùng không dây tối đa: 250+</li> <li>- Tính năng bảo mật: cách ly người dùng không dây, VLAN trên SSID, Số lượng tối đa bộ lọc MAC đến 4000, Kiểm soát truy cập, Mã hoá không dây WPA-Personal/Enterprise, WPA2-Personal/Enterprise, WPA3-Personal/Enterprise, 802.1X Support, Captive Portal authentication, Rogue AP Detection</li> <li>- Chức năng không dây: MU-MIMO, UL/DL OFDMA, Airtime Fairness, Beamforming, Band Steering, Seamless Roaming, QoS(WMM), Mesh, MAC authentication, RADIUS Accounting, Wireless Schedule, Rate Limit, Load Balance</li> <li>- Số lượng SSID: 16</li> <li>- Hỗ trợ quản lý: quản lý qua cloud, quản lý qua Bộ điều khiển phần cứng, Bộ điều khiển phần mềm, ứng dụng điện thoại, quản lý dựa trên Web, SNMP v1/v2c/v3, SSH, cảnh báo qua Email</li> <li>- Quy cách lắp đặt: trần hoặc tường</li> <li>- Nguồn cấp: 48V Passive PoE, chuẩn PoE 802.3at, DC 12V</li> </ul>				
05	Cáp mạng CAT6	COMMSCOPE/ AMP Category 6 UTP Cable, 4-Pair, 23AWG, Solid, CM, 305m, Blue (CABLE, CAT6, 4UTP, 23AWG, CM, 75C, BLUE)				
06	Đầu cáp mạng CAT6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu Mạng RJ45 Cat.6 1501-88027</li> <li>- Đầu mạng RJ45 CAT6, chuyên dụng cho truyền tải internet tốc độ cao.</li> </ul>				
07	Máy in mã vạch xét nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vi xử lý: 200 MHz 32-bit RISC</li> <li>- Bộ nhớ: 8 MBDRAM, 4 MB FLASH</li> <li>- Tốc độ in: 127mm/s (5 IPS)</li> </ul>				

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ phân giải: 203 dpi</li> <li>- Bề rộng in được: 108 mm (4.25")</li> <li>- Bề ngang ribbon: tối đa 110mm</li> <li>- Chiều dài ribbon: tối đa 300m</li> <li>- Giao tiếp: USB, RS-232</li> </ul>				
08	Đầu đọc vân tay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ nhớ (RAM/ROM): 32Mb</li> <li>- Bộ vi xử lý (CPU): 280mHz DSP</li> <li>- Giao thức kết nối: Kết nối có dây với máy tính</li> <li>- Giao tiếp (cổng, giắc...): USB type A</li> <li>- Độ phân giải: 500dpi</li> <li>- Cảm biến (sensor): Cảm biến quang học 2-megapixel CMOS- SDK (Software Development Kit): Có hỗ trợ</li> </ul> <p>Thiết bị lấy mẫu vân tay bằng công nghệ cảm biến quang học có khả năng nhận diện vân tay với tốc độ nhanh chóng cho dù đầu ngón tay của bạn khô, ẩm ướt hay xù xì thô ráp.</p>				
09	Máy quét	<p>Kích thước: 296 x 104 x 125 mm</p> <p>Cân nặng: 1.8 kg</p> <p>Scanner Type: A4 sheet-fed, one-pass duplex colour scanner</p> <p>Sensor Type: Colour Contact Image Sensor (CIS) x 2</p> <p>Scanning Method: Fixed carriage and moving document</p> <p>Light Source: RGB LED x 2</p> <p>Output Resolution: 50 – 1,200 dpi (in 1 dpi increments)</p> <p>Resolution (Colour/Monochrome): 300 dpi: 30 ppm / 60 ipm - 600 dpi: 5 ppm /10 ipm</p>				
<b>KẾT LUẬN<sup>(3)</sup></b>						

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo quy định trong E-HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia. Tiêu chí "Chấp nhận được" chỉ áp dụng trong trường hợp tiêu chuẩn đánh giá thuộc E-HSMT có quy định về nội dung "Chấp nhận được". E-HSDT có nội dung sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản dẫn đến E-HSDT bị loại thì không phải tiếp tục đánh giá các tiêu chí khác. Trường hợp nhà thầu không đáp ứng một tiêu chí đánh giá cụ thể thì không phải đánh giá tiếp đối với các tiêu chí còn lại.

(3) E-HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong E-HSMT.

**Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có): Không**

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: \_\_\_ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế].

**Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập:**

Gói thầu chia thành 09 phần độc lập: Nhà thầu có thể tham gia 01 hoặc nhiều phần trong gói thầu. Việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất và giá đề nghị trúng thầu tính trên từng phần của cả gói thầu không vượt giá phần được duyệt.

- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt.
- Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt.
- Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.

**DANH MỤC CHIA PHẦN (LÔ): 09 phần.**

STT	Mã trong hồ sơ	Tên phần (lô)	Số lượng	Đơn giá	Giá trị ước tính từng phần (VND)
1	MSPC01	Switch 16 Port quang	2	21.340.800	42.681.600
2	MSPC02	Switch 24 cổng	20	9.828.000	196.560.000
3	MSPC03	Module Quang	40	1.404.000	56.160.000
4	MSPC04	Thiết bị Wifi Access Point	70	7.020.000	491.400.000
5	MSPC05	Cáp mạng CAT6	3.500	15.444	54.054.000
6	MSPC06	Đầu cáp mạng CAT6	400	7.776	3.110.400
7	MSPC07	Máy in mã vạch xét nghiệm	20	6.318.000	126.360.000
8	MSPC08	Đầu đọc vân tay	20	2.106.000	42.120.000
9	MSPC09	Máy quét	20	6.885.000	137.700.000
	Tổng: 09 phần				